

Bản án số: 150/HNGĐ - ST

Ngày 29/12/2023

V/v: Tranh chấp về ly hôn và giao nuôi con.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỠ HỢP – TỈNH NGHỆ AN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quán Vi Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Lê Vĩnh Hương
2. Ông Nguyễn Mạnh Hùng.

Thư ký phiên tòa: Bà Sầm Thị Thanh Sương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hồng Lĩnh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 85/2023/TLST – HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Lương Thị Đ**, sinh năm 1985.
Trú tại: Xóm Đ, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh **Sầm Văn C**, sinh năm 1985.
Nơi đăng ký HKTT: Xóm Đ, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An, tỉnh Nghệ An.
Nơi đăng ký tạm trú: Tổ 6, khu phố 7, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/9/2023 và qua lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lương Thị Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Sầm Văn C đăng ký kết hôn ngày 23/5/2007 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, lối sống. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Trong thời gian sống ly thân chị Đ và anh C đều đi làm ăn xa và không quan tâm tới cuộc sống của nhau. Nay chị Đ nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên viết đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Sầm Văn C.

Về con chung: Giữa chị và anh C có 02 người con chung là Sầm Trung K, sinh ngày 09/6/2007 và Sầm Thị Hà G, sinh ngày 11/6/2009. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Sầm Văn C vắng mặt: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt đơn khởi kiện, tài liệu, thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo hoãn phiên họp, hòa giải nhưng bị đơn anh C vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Ngày 18/12/2023, anh Sầm Văn C có gửi đơn xin xét xử vắng mặt và bản trình bày ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Sầm Văn C thừa nhận, giữa anh và chị Lang Thị Đ đăng ký kết hôn với nhau ngày 23/5/2007 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An trên cơ sở tự nguyện. Trong thời gian sống chung vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc nên anh chị đã sống ly thân. Anh C đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị Lang Thị Đ. Vì lý do bận đi làm xa nên anh C không trực tiếp đến Tòa án để tham gia giải quyết ly hôn với chị Lang Thị Đ được, anh có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về con chung: Anh chị có 02 người con chung là Sầm Trung K, sinh ngày 09/6/2007 và Sầm Thị Hà G, sinh ngày 11/6/2009. Nếu ly hôn anh C có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh tại Công an xã C, huyện Q: Trong phần mềm Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, anh Sầm Văn C hiện đang đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm Đ, xã C, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An. và đăng ký tạm trú tại Nhà trọ ông Đỗ Văn G, tổ 6, khu phố 7, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương từ ngày 13 tháng 10 năm 2023 đến nay.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Q: Chị Lang Thị Đ và anh Sầm Văn C có đăng ký kết hôn tại UBND xã C vào ngày 23/5/2007, đăng ký kết hôn giữa hai bên là hợp pháp. Chị Đ và anh C có 02 con chung là Sầm Trung K, sinh ngày 09/6/2007 và Sầm Thị Hà G, sinh ngày 11/6/2009. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên chị Đ làm đơn xin ly hôn với anh Sầm Văn C, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tại phiên tòa:

Qua kiểm sát giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có mặt tham gia giải quyết vụ việc theo giấy triệu tập, tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không chấp hành đúng quy định, vắng mặt tại các buổi làm việc, do đó cần xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51; 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 28; 35; 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Về quan hệ hôn nhân: Cần chấp nhận cho chị Lang Thị Đ được ly hôn với anh Sầm Văn C.

Về con chung: Giao con chung Sầm Trung K, sinh ngày 09/6/2007 cho anh Sầm Văn C trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung Sầm Thị Hà G, sinh ngày 11/6/2009 cho chị Lang Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm gặp con, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị Đ, anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Lang Thị Đ phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Nguyên đơn có mặt không có ý kiến tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp: Chị Lang Thị Đ có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Sầm Văn C và có nguyện vọng nuôi con chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung của vợ chồng, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Sầm Văn C có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm Đ, xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An và đăng ký tạm trú tại Nhà trọ ông Đỗ Văn G, tổ 6, khu phố 7, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương từ ngày 13/10/2023 đến nay. Thời điểm anh C đăng ký tạm trú sau thời điểm thụ lý vụ án nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An.

[1.3] Trong suốt quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Sầm Văn C nhưng anh C đều vắng mặt, do đó vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt không có lý do tại phiên hòa giải và có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt do đó cần áp dụng khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh Sầm Văn C.

[2] Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Chị Lang Thị Đ và anh Sầm Văn C đăng ký kết hôn ngày 23/5/2007 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Q, tỉnh

Nghệ An. Hôn nhân giữa chị Đ và anh C là hợp pháp, tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Trong thời gian chung sống do bất đồng quan điểm, các bên không tìm được giải pháp khắc phục mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Quá trình giải quyết Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng báo anh C đến để hòa giải tạo điều kiện cho các bên hàn gắn tình cảm, đoàn tụ, nhưng anh C đều vắng mặt. Chị Đ xác định không còn tình cảm, không muốn tiếp tục quan hệ hôn nhân với anh C nên vẫn giữ nguyên nguyện vọng xin được ly hôn với anh Sầm Văn C. Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, không thể hòa giải để quay trở lại chung sống, đoàn tụ với nhau. Do đó, áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Lang Thị Đ được ly hôn với anh Sầm Văn C.

[3] Về con chung: Qua xác minh tại địa phương xem xét hoàn cảnh, môi trường sống và khả năng chăm sóc, nuôi dưỡng con, cũng như nguyện vọng của con chung và ý kiến của chị Đ, anh C xét thấy cần giao 02 người con chung là Sầm Trung K, sinh ngày 09/6/2007 và Sầm Thị Hà G, sinh ngày 11/6/2009 cho chị Lang Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng từ tháng 12 năm 2023 trở đi, cho đến lúc các con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Sầm Văn C, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm gặp con, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Lang Thị Đ và anh Sầm Văn C có ý kiến không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lang Thị Đ chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Các điều 51, 56; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Các điều 28, 35; 39; 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lang Thị Đ được ly hôn anh Sầm Văn C.

2. Về con chung: Buộc anh Sầm Văn C giao 02 con chung là Sầm Trung K, sinh ngày 09/6/2007 và Sầm Thị Hà G, sinh ngày 11/6/2009 cho chị Lang Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng từ tháng 12 năm 2023 trở đi, cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Sầm Văn C.

Anh Sầm Văn C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con chung khi có căn

cứ hoặc có lý do chính đáng có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Lang Thị Đ chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ trong số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị Đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0007129 ngày 10/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- UBND xã C, huyện Q, tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Quán Vi Tuấn